

Bản án số: 94/2024/LĐ-ST

Ngày: 28 – 6 – 2024

V/v tranh chấp về yêu cầu
tuyên bố hợp đồng lao
động vô hiệu

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tố Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Yến – Nguyên Phó Trưởng Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Thuận An;

2. Ông Lê Văn Công – Nguyên Phó chủ tịch phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Hà Giang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm vụ án lao động thụ lý số 20/2024/TLST-LĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 về “tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXXST-LĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Thôn I, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ liên hệ: 7A/3 tổ A, khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH D1; địa chỉ: Số B V, đường số H, khu công nghiệp V, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông HENDRA SYAHPUTRA - Tổng Giám đốc. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Kim B, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: TDP X, xã N, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bảo Hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương; trụ sở: Khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương - người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Minh H - Giám đốc. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Tháng 10/2009, nguyên đơn có ký hợp đồng lao động và có làm việc cho Công ty TNHH G tại Ấp T, xã T, D, Bình Dương đến tháng 5/2010 thì nghỉ việc về quê sinh sống đến tháng 7/2014 nguyên đơn mới đi làm lại và được tham gia bảo hiểm xã hội sau này. Quá trình làm việc, nguyên đơn được Công ty TNHH G tham gia bảo hiểm xã hội đầy đủ theo quy định. Nay do nhu cầu cá nhân, bà Nguyễn Thị D có liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương để rút bảo hiểm xã hội một lần thì được biết hồ sơ bảo hiểm xã hội của nguyên đơn bị trùng lặp thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 8/2009 đến tháng 10/2012. Nguyên nhân sự việc là do: Khoảng tháng 8/2009, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bà Nguyễn Thị Kim B muốn ký hợp đồng lao động để kiếm thu nhập phụ giúp gia đình nhưng do chưa đủ tuổi ký hợp đồng lao động nên đã mượn chứng minh nhân dân của nguyên đơn mang số 241108337 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 12/7/2006 để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH D1 (sau đây gọi là Công ty D1). Sau khi ký hợp đồng, bà Nguyễn Thị Kim B làm việc đến tháng 10/2012 thì nghỉ việc.

Do nhiều lần liên hệ Bảo hiểm xã hội thành phố T để giải quyết vấn đề bị trùng thời gian đóng bảo hiểm nhưng không được và được hướng dẫn khởi kiện đến Tòa án để giải quyết về hợp đồng vô hiệu. Nhận thấy việc bà Nguyễn Thị Kim B mượn chứng minh nhân dân của nguyên đơn để ký kết hợp đồng lao động với Công ty D1 sai qui định, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động tên Nguyễn Thị D (do bà Nguyễn Thị Kim B là người ký kết) với người sử dụng lao động Công ty TNHH D1 trong khoảng thời gian từ tháng 8/2009 đến tháng 10/2012 vô hiệu. Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Việc cho bà Nguyễn Thị Kim B sử dụng chứng minh nhân dân của mình để làm việc tại Công ty T dẫn đến việc trùng lặp quá trình đóng bảo hiểm xã hội là do lỗi của nguyên đơn nên nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện: Bản photo biên bản hoà giải, sổ Bảo hiểm xã hội, quyết định chấm dứt hợp đồng; Bản chứng thực căn cước công dân của bà Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Kim B.

**) Người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Hendra S có yêu cầu xét xử vắng mặt và có ý kiến như sau:*

Khi ký kết hợp đồng lao động với bà Nguyễn Thị D thì Công ty TNHH D1 không biết việc bà Nguyễn Thị Kim B mượn chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị D để ký kết hợp đồng. Do thời gian đã lâu nên hiện Công ty D1 không còn lưu giữ hồ sơ của nhân viên nên không cung cấp được theo yêu cầu của Tòa án. Tuy nhiên, qua thông tin lưu giữ phần mềm thì Công ty D1 xác nhận có ký kết hợp đồng lao động với bà Nguyễn Thị D từ ngày 28/6/2009 và chấm dứt ngày 30/10/2012. Công ty D1 đã tham gia Bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị D từ tháng 7/2009 đến tháng 10/2012. Sau khi nghỉ việc, giữa Công ty D1 đã thỏa thuận giải quyết đầy đủ quyền lợi của bà Nguyễn Thị D và đã chốt sổ bảo hiểm xã hội. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì Công ty D1 không có ý kiến, không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng, không yêu cầu độc lập trong vụ án.

**) Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim B trình bày:*

Khoảng tháng 7/2009, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên gia đình cho bà Nguyễn Thị Kim B nghỉ học, bà Nguyễn Thị Kim B muốn đi làm công ty để kiếm tiền phụ giúp gia đình nhưng do chưa đủ tuổi ký hợp đồng lao động nên có mượn chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị D để làm hồ sơ xin việc làm. Sau đó, bà Nguyễn Thị Kim B đã sử dụng Giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị D để làm hồ sơ xin việc vào Công ty TNHH D1; địa chỉ: Số B V, đường số H, khu công nghiệp V, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Bà Nguyễn Thị Kim B làm việc tại Công ty D1 từ tháng 8/2009 đến tháng 10/2012 thì nghỉ việc. Trong thời gian làm việc tại đây thì công ty có tham gia và đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị Kim B. Sau khi nghỉ việc thì bà Nguyễn Thị Kim B về quê sinh sống, không tham gia ký kết hợp đồng lao động với bất kỳ công ty nào nên bà Nguyễn Thị Kim B không thực hiện các thủ tục để nhận quyền lợi liên quan đến bảo hiểm và cũng không còn quan tâm đến việc nhận trợ cấp trên. Bà Nguyễn Thị Kim B không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng, không yêu cầu độc lập trong vụ án, từ chối nhận các quyền lợi liên quan đến quá trình tham gia bảo hiểm xã hội theo Hợp đồng ký kết với Công ty D1 với tên Nguyễn Thị D, đồng thời bà Nguyễn Thị Kim B yêu cầu giải quyết vắng mặt trong các phiên tòa xét xử đối với vụ án.

**) Đại diện hợp pháp của Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố T, là ông Phan Minh H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và có ý kiến trình bày như sau:*

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN) của Công ty TNHH D1 cho người lao động thì Công ty TNHH D1 có tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN cho bà Nguyễn Thị D, sinh ngày 18/4/1990, số chứng minh nhân dân 241108337, với mã số bảo hiểm xã hội 7409232811 từ tháng 8/2009 đến tháng 10/2012. BHXH thành phố T chưa thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm xã hội đối với mã số bảo hiểm xã hội 7409232811 do người lao động không nộp sổ cho công ty để làm thủ tục chốt sổ. Bà Nguyễn Thị D chưa hưởng trợ cấp thất nghiệp và trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thị D thì cơ quan Bảo hiểm xã hội không

lưu trữ. Đối với các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D thì Bảo hiểm xã hội thành phố T không có ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An trình bày:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn là Công ty TNHH D1; địa chỉ: Số B V, đường số H, khu công nghiệp V, thành phố T, tỉnh Bình Dương yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2019 xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[2] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH D1 với bà Nguyễn Thị D (do bà Nguyễn Thị Kim B mượn chứng minh nhân dân giao kết hợp đồng). Tuy nhiên, Công ty TNHH D1 thừa nhận có ký kết Hợp đồng lao động và có tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động Nguyễn Thị D nhưng thời gian đã lâu nên không còn lưu trữ. Như vậy, thực tế có tồn tại Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH D1 và người lao động có thông tin Nguyễn Thị D. Đây là tài liệu, chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động Nguyễn Thị D như sau:

- Mã số BHXH 7409232811 từ tháng 8/2009 đến tháng 10/2012 tại Công ty TNHH D1.

- Mã số bảo hiểm xã hội 7409277605:

+ Từ tháng 10/2009 đến tháng 5/2010 tại Công ty TNHH G tại Ấp T, xã T, D, Bình Dương.

+ Từ tháng 7/2014 đến tháng 12/2015 tại Công ty TNHH D1.

+ Từ tháng 01/2016 đến tháng 10/2022 tại Công ty TNHH G1.

[3.2] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho thấy: Bà Nguyễn Thị Kim B do không hiểu biết pháp luật, hoàn cảnh gia đình khó khăn, mong muốn có thu nhập để giúp đỡ gia đình nên đã mượn chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị D ký kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH D1 từ tháng 8/2009 đến tháng 10/2012. Khi ký kết hợp đồng lao động cũng như quá trình làm việc, công ty không phát hiện được người lao động sử dụng hồ sơ giả nên vẫn ký hợp đồng và tham gia BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ cho người lao động thể hiện tại Sổ bảo hiểm xã hội số 7409232811. Thực tế, trong khoảng thời gian trên, bà Nguyễn Thị D đang làm việc tại Công ty TNHH G tại Ấp T, xã T, D, Bình Dương, dẫn đến việc bà Nguyễn Thị D trong cùng một khoảng thời gian được 02 Công ty tham gia bảo hiểm xã hội.

[3.3] Việc bà Nguyễn Thị Kim B sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà Nguyễn Thị D để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH D1 là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994.

[3.4] Do đó, bà Nguyễn Thị D yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị D (do bà Nguyễn Thị Kim B mượn tên) với Công ty TNHH D1 trong khoảng thời gian từ tháng 8/2009 đến tháng 10/2012 là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên được chấp nhận.

[3.5] Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu; bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì trong vụ án. Mặc dù các đương sự đã được Tòa án giải thích về hậu quả của hợp đồng vô hiệu và quyền yêu cầu nhưng các đương sự không yêu cầu giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 5, 32, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Các Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc “tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” đối với Công ty TNHH D1.

2. Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị D (do bà Nguyễn Thị Kim B ký kết) và Công ty TNHH D1 trong thời gian từ tháng 8/2009 đến tháng 10/2012 vô hiệu.

3. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Cơ quan BHXH thành phố T thực hiện các chế độ BHXH đối với bà Nguyễn Thị D sinh ngày 18/4/1990, CMND số 241108337 cấp ngày 12/7/2006, CCCD số 066190009680 cấp ngày 26/02/2022, số Sổ BHXH 7409277605 theo quy định pháp luật.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D tự nguyện chịu 300.000 đồng, khấu trừ toàn bộ vào tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001143 ngày 11/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Bảo hiểm xã hội thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tố Uyên

